

Số: 91 /TB-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh sách các chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Trường Đại học Nha Trang

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy định về liên kết tổ chức thi và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 769/QĐ-ĐHNT ngày 01/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 771/QĐ-ĐHNT ngày 04/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-ĐHNT ngày 01/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-ĐHNT ngày 04/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang;

Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang thông báo Danh sách các chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Trường Đại học Nha Trang, cụ thể như sau:

Đối với tiếng nước ngoài:

1. Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam là chứng chỉ được cấp bởi một cơ sở giáo dục đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (danh sách được cập nhật trên website của Bộ GD&ĐT và Cục Quản lý chất lượng).

2. Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ do nước ngoài cấp tại Việt Nam phải là chứng chỉ được Bộ GD&ĐT ra quyết định công nhận tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, đồng thời được cấp bởi một cơ sở liên kết đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ (danh sách được cập nhật trên website của Bộ GD&ĐT và Cục Quản lý chất lượng).

3. Việc quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ do nước ngoài cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I của Thông báo này.

Đối với tiếng Việt:

1. Chứng chỉ năng lực tiếng Việt hợp lệ là chứng chỉ được cấp bởi một cơ sở giáo dục đại học đã được Bộ GD&ĐT cấp phép tổ chức thi theo quy định (danh sách được cập nhật trên website của Bộ GD&ĐT và Cục Quản lý chất lượng).

2. Việc quy đổi các chứng chỉ theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài tham gia chương trình đào tạo bằng tiếng Việt tại Trường Đại học Nha Trang được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Thông báo này.

Thông báo này được áp dụng kể từ khóa tuyển sinh năm 2025 cho tới khi Trường có thông báo mới.

Nơi nhận:

- Thí sinh;
- Học viên;
- Lưu VT, ĐTSĐH.

K.T. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Quách Hoài Nam



PHỤ LỤC I
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Thông báo số 31 /TB-ĐHNT ngày 05/02/2025 của Trường ĐH Nha Trang)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	500-626
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis (ESOL)	B1	B2
		PTE Academic	43-58	59-75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance Francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3	TestDaF Bậc 4
4	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
5	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ -1	ТРКИ -2

Ghi chú:

- Chứng chỉ hợp lệ là chứng chỉ nằm trong danh sách ở Phụ lục 1, được cấp bởi một cơ sở liên kết được cấp phép bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, được công nhận tương đương với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Danh sách các cơ sở được phê duyệt liên kết tổ chức thi và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ được công bố trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo <https://moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/default.aspx> và trang thông tin điện tử của Cục quản lý chất lượng <https://vqa.moet.gov.vn/>.

Handwritten signature



PHỤ LỤC II
QUY ĐỔI ĐIỂM THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Thông báo số 91 /TB-ĐHNT ngày 05 /02/2025 của Trường ĐH Nha Trang)

Khung năng lực tiếng Việt		CEFR	Điểm quy đổi
Sơ cấp	Bậc 1	A1	1.0 – 1.5
	Bậc 2	A2	2.0 – 3.5
Trung cấp	Bậc 3	B1	4.0 – 5.5
	Bậc 4	B2	6.0 – 7.0
Cao cấp	Bậc 5	C1	7.5 – 8.5
	Bậc 6	C2	9.0 – 10.0

Handwritten signature